

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2021/HS - ST

Ngày: 20/4/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Thu**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Nguyễn Công Hoan**

2. Bà **Vũ Thị Khuôn**

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Hồng Quỳnh** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên tòa:*** Bà **Đặng Thị Thủy** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 32/2021/TLST-HS ngày 26 tháng 3 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2021/QĐXXST- HS ngày 06 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo:

Đông Ngọc D, sinh năm 1973; ĐKKHKT: Số 14A/203/41 ngõ 203 KN, phường T, quận HB, thành phố Hà Nội; Chỗ ở: Thôn N, xã G, thành phố H, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đông Văn Q (đã chết) và bà Lê Thị T; Có chồng là Đỗ Xuân Ch (đã ly hôn) và 02 con, lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 2000.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 349/HSST ngày 13/9/2004 của Tòa án nhân dân quận HB, thành phố Hà Nội xử phạt 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 42 tháng kể từ ngày 13/9/2004 về tội “Đánh bạc” và “Tổ chức đánh bạc”.

- Bản án số 705/2012/HSST ngày 24/12/2012 của TAND quận Đ, thành phố Hà Nội xử phạt 5 năm 6 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Nộp án phí ngày 06/5/2013. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/02/2017.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/12/2020, chuyển tạm giam từ ngày 01/01/2021 đến nay tại Trại tạm Công an tỉnh Hải Dương; Có mặt tại phiên tòa.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1979
Địa chỉ: Phòng 1C6 tập thể G, phường GV, quận B, thành phố Hà Nội. (vắng mặt).

- Chị Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1969

Địa chỉ: Tổ 4, phường T, quận HB, thành phố Hà Nội. (Vắng mặt).

- Anh Nguyễn Huy G, sinh năm 1984

Địa chỉ: Khu TL, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt).

- Anh Đoàn Văn C, sinh năm 1978

Địa chỉ: Khu V, phường A, thành phố H, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt).

***Người làm chứng:**

- Anh Đoàn Văn K, sinh năm 1977

Địa chỉ: Khu Đ, phường A, thành phố H, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt).

- Ông Hồ Văn C (Đ), sinh năm 1964

Địa chỉ: Thôn N, xã G, thành phố H, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt).

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 11 năm 2020, Đông Ngọc D thuê nhà của ông Hồ Văn C (Đ) ở thôn N, xã G, thành phố H, tỉnh Hải Dương để làm nơi ở và mở quán cà phê C. Đến ngày 08/11/2020, D rủ Nguyễn Thị O là người quen của D đến ở cùng và thỏa thuận sẽ cùng góp tiền cho vào quỹ do D giữ để trả tiền thuê nhà và sinh hoạt chung (cả hai đều không đăng ký tạm trú). Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 29/12/2020, có khách quen của D là anh Đoàn Văn K ở Khu Đ, phường A, thành phố H, tỉnh Hải Dương đến rủ D đi ăn, D đồng ý. K đưa D đến quán bia tại thị trấn Gi, huyện G, tỉnh Hải Dương. Tại đây D gặp bạn của K là Đoàn Văn C và Nguyễn Huy G. Trong lúc ăn uống G đặt vấn đề bảo D giới thiệu cho G gái mại dâm để mua dâm. D nghĩ đến Nguyễn Thị Bích H là người quen của D cũng là gái mại dâm hành nghề ở thôn N, xã G, thành phố H nên D về đón H ra ăn uống cùng. Sau khi ăn xong D, K, G, C và H cùng đi về quán cà phê của D ngồi chơi, lúc này O (là bạn D ở cùng với D) cũng có mặt tại quán. Sau đó H đi về quán của H để thay quần áo. Thấy G ngồi cạnh O nên D bảo G “bức xúc thì đi trước đi” ý D là G muốn mua dâm thì tự thỏa thuận với O. G quay sang nói chuyện và đặt vấn đề mua dâm với O, O đồng ý. Còn C hỏi D giá một lần mua dâm, D trả lời là 250.000đ/lần và muốn cho thêm tiền thì tùy. Sau khi thỏa thuận xong, G và O đi vào phòng ngủ phía ngoài gần cửa để mua bán dâm. Khi vào phòng G đưa tiền mua dâm cho O là 300.000đ, O lấy bao cao su đeo vào dương vật của G rồi cả hai quan hệ tình dục. Khi H quay lại, D đi ra bảo H bán dâm cho khách của D, Hòa đồng ý. Thấy H đến, C đi ra đưa D 300.000đ để trả tiền mua dâm, D đưa lại cho

C và bảo C tự đưa cho chị H. Thấy O và G đã vào phòng phía ngoài, D bảo C và H vào phòng phía trong cạnh đó để mua bán dâm. Sau khi vào phòng, C đưa H 300.000đ trả tiền mua dâm, rồi cả hai quan hệ tình dục. D và K ngồi tại quán nói chuyện đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, tổ công tác Công an thành phố Hải Dương phát hiện C và H, O và G đang mua bán dâm, thu giữ trong phòng của C và H số tiền mua bán dâm là 300.000đ, thu giữ trong phòng của G và O số tiền mua bán dâm là 300.000đ và 01 bao cao su đã qua sử dụng đồng thời bắt quả tang Đông Ngọc D về hành vi chứa mại dâm.

Quá trình điều tra Đông Ngọc D khai nhận toàn bộ hành vi dùng nhà thuê của ông Hồ Văn C (Đ) làm địa điểm cho Đoàn Văn C và Nguyễn Thị Bích H thực hiện hành vi mua, bán dâm phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Bản Cáo trạng số 38/CT-VKS ngày 25/3/2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương truy tố Đông Ngọc D về tội “Chứa mại dâm” theo khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình và mong muốn HĐXX xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố: Bị cáo Đông Ngọc D phạm tội “Chứa mại dâm”. Áp dụng: Khoản 1 Điều 327, điểm s khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Đông Ngọc D từ **18 - 21** tháng tù về tội Chứa mại dâm, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 29/12/2020; Hình phạt bổ sung: không áp dụng; Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 bao cao su đã qua sử dụng; tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 600.000đ; Về án phí: Buộc bị cáo Đông Ngọc D phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Dương, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 29/12/2020, Đông Ngọc D có hành vi sử dụng nhà thuê của ông Hồ Văn C (Đ) tại thôn N, xã G, thành phố H, tỉnh Hải Dương làm địa điểm cho Đoàn Văn C và Nguyễn Thị Bích H thực hiện hành vi mua, bán dâm thì bị phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Chứa mại dâm” theo khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự an toàn công cộng, ảnh hưởng xấu đến nếp sống văn hóa mới, là môi trường lây lan căn bệnh xã hội khác. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ việc dùng nơi ở làm địa điểm cho người khác thực hiện việc mua bán dâm là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện.

Xét về nhân thân bị cáo đã hai lần bị xét xử nhưng không lấy đó là bài học cho bản thân để tu dưỡng, rèn luyện mà lại tiếp tục phạm tội. Vì vậy, cần có hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa.

[3] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo làm nghề lao động tự do, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng: Đối với số tiền 300.000đ thu giữ trong phòng của G và O và số tiền 300.000đ thu giữ tại mặt bàn trong phòng nơi Đoàn Văn C và Nguyễn Thị Bích H thực hiện hành vi mua bán dâm là tiền do vi phạm hành chính mà có nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước; Đối với 01 bao cao su đã qua sử dụng không còn giá trị sử dụng cần tịch thu cho tiêu hủy theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[7] Về án phí: Bị cáo phạm tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[8]. Về các vấn đề khác: Đối với Nguyễn Thị Bích H, Nguyễn Thị O, Đoàn Văn C, Nguyễn Huy G có hành vi mua bán dâm, Công an thành phố Hải Dương đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp.

Không đủ căn cứ xử lý Nguyễn Thị O đồng phạm với Đông Ngọc D về tội chứa mại dâm. Đối với anh Đoàn Văn K không liên quan đến việc mua bán dâm, ông Hồ Văn C (Đ) không biết D sử dụng nhà thuê để chứa mại dâm nên không có căn cứ xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 38; điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106; Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. **Tuyên bố:** Bị cáo Đông Ngọc D phạm tội “Chứa mại dâm”.

2. **Xử phạt:** Bị cáo Đông Ngọc D **18 (Mười tám)** tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 29/12/2020.

3. **Về vật chứng:** - Tịch thu cho tiêu hủy 01 bao cao su đã qua sử dụng được đựng trong 01 phong bì niêm phong theo biên bản niêm phong do cơ quan CSĐT Công an thành phố Hải Dương lập ngày 29/12/2020.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 300.000đ được đựng trong phong bì niêm phong đánh số 34A, theo biên bản niêm phong do cơ quan CSĐT Công an thành phố Hải Dương lập ngày 29/12/2020.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 300.000đ được đựng trong phong bì niêm phong đánh số 34B, theo biên bản niêm phong do cơ quan CSĐT Công an thành phố Hải Dương lập ngày 29/12/2020.

(Đặc điểm, tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Dương và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương ngày 13/4/2021).

4. **Về án phí:** Buộc bị cáo Đông Ngọc D phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

5. **Về quyền kháng cáo:** Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo phần có liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hải Dương;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan CSĐT Công an thành phố Hải Dương;
- Cơ quan THA hình sự Công an tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS thành phố Hải Dương;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Thị Thu

goài ra, việc pháp luật quy định thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự còn có ý nghĩa bảo đảm cho việc tổ chức thi hành án dân sự được thuận lợi. Pháp luật quy định về thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự thì các đương sự chỉ có quyền yêu cầu thi hành án dân sự trong thời hạn nhất định, hết thời hạn đó họ sẽ không có quyền yêu cầu thi hành án dân sự nữa. Do vậy, sẽ tránh được những trường hợp việc xét xử đã lâu đương sự mới yêu cầu thi hành án dân sự thì sẽ gây khó khăn cho cơ quan thi hành án dân sự, văn phòng thừa phát lại trong việc xác minh tài sản, địa chỉ của người phải thi hành án, tổ chức thi hành án ...

Xuất phát từ yêu cầu của công tác thi hành án dân sự và ý nghĩa quan trọng của thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự, trong các văn bản quy phạm pháp luật thi hành án dân sự được Nhà nước ta ban hành từ năm 1989 đến nay đều có quy định về thời hiệu thi hành án dân sự. Hiện nay, thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự được quy định tại Điều 30 [Luật thi hành án dân sự](#) và Điều 4 [Nghị định của Chính phủ số 62/2015/NĐ-CP](#) ngày 18/7/2015 đã được sửa đổi, bổ sung theo [Nghị định của Chính phủ số 33/2020/NĐ-CP](#) ngày 17/3/2020. Theo các quy định này thì việc tính thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự như sau:

- Người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật. Trường hợp bản án, quyết định chưa có hiệu lực pháp luật nhưng được thi hành ngay thì thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự vẫn được tính từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật. Trong trường hợp thời hạn thực hiện thời hiệu thi hành án dân sự trong những trường hợp này đã được quy định tại khoản 3 Điều 30 Luật thi hành án dân sự và khoản 2, khoản 3 Điều 4 Nghị định của Chính phủ số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định của Chính phủ số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020. Theo các quy định này, sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan thuộc một trong các trường hợp sau:

- Sự kiện bất khả kháng là trường hợp thiên tai, hỏa hoạn, dịch họa;
- Trở ngại khách quan là trường hợp đương sự không nhận được bản án, quyết định mà không phải do lỗi của họ; đương sự đi công tác ở vùng biên giới, hải đảo mà không thể yêu cầu thi hành án đúng hạn; tai nạn, ốm nặng đến mức mất khả năng nhận thức hoặc đương sự chết mà chưa xác định được người thừa kế; tổ chức hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, chuyển đổi hình thức, chuyển giao bắt buộc, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp mà chưa xác định được tổ chức, cá nhân mới có quyền yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật hoặc do lỗi của cơ quan xét xử, cơ quan thi hành án hoặc cơ quan, cá nhân khác dẫn đến việc đương sự không thể yêu cầu thi hành án đúng hạn. Xem điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị định của Chính phủ số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thi hành án dân sự.

Trường hợp do sự kiện bất khả kháng hoặc xảy ra trở ngại khách quan nên không thể yêu cầu thi hành án dân sự đúng thời hạn thì đương sự có quyền gửi đơn đề nghị thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành án xem xét chuyển đổi hình thức, chuyển giao bắt buộc, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp thì phải có văn bản hợp pháp chứng minh thời gian chưa xác định được tổ chức, cá nhân mới có quyền yêu cầu thi hành án (Xem điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị định của Chính phủ số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định

số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thi hành án dân sự).

- Đối với các trường hợp bất khả kháng, trở ngại khách quan khác nên không thể yêu cầu thi hành án đúng hạn thì phải có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền hoặc tài liệu hợp pháp khác để chứng minh.

Xác nhận của tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phải thể hiện rõ địa điểm, nội D và thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan dẫn đến việc đương sự không thể yêu cầu thi hành án đúng hạn.

Khi nhận được đơn của đương sự và các tài liệu kèm theo, thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền ra quyết định thi hành án dân sự phải xem xét lý do của việc yêu cầu thi hành án dân sự quá hạn. Nếu việc yêu cầu thi hành án quá hạn là do sự kiện bất khả kháng hoặc gặp trở ngại khách quan thì thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định khôi phục thời hiệu yêu cầu thi hành án và thụ lý đơn yêu cầu thi hành án. Trong trường hợp việc yêu cầu thi hành án quá hạn không phải do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan thì thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự không ra quyết định khôi phục thời hiệu yêu cầu thi hành án và thụ lý đơn yêu cầu thi hành án tài sản cho đương sự; tịch thu sung quỹ nhà nước, tịch thu tiêu hủy vật chứng, tài sản ... Do đó, toà án phải chuyển giao cho cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền những bản án, quyết định này để tổ chức thi hành án. Căn cứ vào Điều 485 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 28 Luật thi hành án dân sự và Điều 51 Luật trọng tài thương mại thì việc chuyển giao bản án, quyết định cho cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền được thực hiện như sau:

- Đối với bản án, quyết định chưa có hiệu lực pháp luật được thi hành ngay thì toà án đã ra bản án, quyết định phải chuyển giao cho cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày ra bản án, quyết định;

>> **Xem thêm:** [Tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu ? Các trường hợp giao dịch dân sự vô hiệu](#)

- Đối với quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thì toà án, trọng tài đã ra quyết định phải chuyển giao cho cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền ngay sau khi ra quyết định;

- Đối với bản án, quyết định khác thì toà án đã ra bản án, quyết định phải chuyển giao cho cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp cơ quan có thẩm quyền đã kê biên tài sản, tạm giữ tài sản, thu giữ vật chứng hoặc thu giữ các tài liệu khác có liên quan đến việc Thi hành án thì khi chuyển giao bản án, quyết định cho cơ quan thi hành án dân sự, toà án phải gửi kèm theo bản sao biên bản về việc kê biên, tạm giữ tài sản, thu giữ vật chứng hoặc tài liệu khác có liên quan.

Theo quy định tại Điều 29 Luật thi hành án dân sự, khi nhận bản án, quyết định do toà án, trọng tài thương mại chuyển giao, cơ quan thi hành án dân sự phải kiểm tra, vào sổ nhận bản án, người phải thi hành án và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc thi hành bản án, quyết định và cơ quan thi hành án dân sự có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức đã ra bản án, quyết định giải thích những điểm chưa rõ trong bản án, quyết định để thi hành (Xem: Điều 9 [Thông tư liên tịch của Bộ tư pháp, Toà án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao số 11/2016/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC](#) ngày 01/8/2016 quy định một số vấn đề về thủ tục thi hành án dân sự và phối hợp liên ngành trong Thi hành án dân sự). Việc yêu cầu giải thích bản án, quyết

định phải làm thành văn bản gửi cho cơ quan, tổ chức đã ra bản án, quyết định. Nhận được yêu cầu giải thích bản án, quyết định, cơ quan, tổ chức đã ra bản án, quyết định phải có văn bản giải thích những nội D chưa rõ của bản án, quyết định trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp vụ việc phức tạp thì thời hạn trả lời không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Văn bản trả lời của toà án là căn cứ để cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành án, quyết định thu hồi hoặc sửa đổi, bổ sung quyết định thi hành án đã ban hành.

Mọi vướng mắc pháp lý liên quan đến luật dân sự, luật thi hành án dân sự về thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự. **Hãy gọi ngay: [1900.6162](tel:1900.6162) để được [Luật sư tư vấn pháp luật dân sự trực tuyến](#).** Đội ngũ luật sư luôn sẵn sàng lắng nghe và giải đáp mọi vướng mắc của Bạn.

Trân trọng./.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- VKSND thành phố H;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan CSĐT Công an thành phố H;
- Cơ quan THA hình sự Công an tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS thành phố H;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu

